

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thiên Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thương và ông Phan Tuấn Anh

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kiều Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2024 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: tổ A, khu B, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên toà (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Vũ Minh C**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: tổ A, khu B, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2024, tại bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Vũ Minh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ A, khu B, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C sống không chung thủy với vợ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại hai vợ chồng vẫn chung sống cùng nhà tuy nhiên mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau nữa. gia đình hai bên nội ngoại đã hoà giải

nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn nên chị H đề nghị Tòa án cho chị H được ly hôn với anh Vũ Minh C.

Về con chung: chị H và anh C có 02 con chung tên là Vũ Hà S, sinh năm 2001 và Vũ Ngân N, sinh năm 2005, hiện nay các con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị H và anh C có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Vũ Minh C tuy nhiên anh Vũ Minh C vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ không hợp tác.

Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, ông Phạm Văn H1 – trưởng khu B, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: chị H và anh C sống tại tổ A, khu B, phường T, thành phố U. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại vợ chồng chị H sống chung cùng nhà nhưng không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Về con chung : chị H và anh C có 2 con chung, hiện nay các con chung đều đã trưởng thành. Việc chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh Vũ Minh C; về con chung: các con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không giải quyết; về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về “Ly hôn” giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Minh C được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2

không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Minh C kết hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị H, anh C không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải mục đích tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng nhau gỡ bỏ mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do, cố tình không hợp tác, điều đó chứng tỏ anh C không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với thực tế và có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* các con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản; anh C vắng mặt, không có quan điểm về tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề tài sản.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh Vũ Minh C.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Minh C.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002664 ngày 28/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục THADS TP Uông Bí;
- UBND phường Trung Vương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thiên Nga

